

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2021/DS-ST**
Ngày: 28-01-2021
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài
sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bé Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hữu Tấn;
2. Bà Võ Thị Tiếng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu, là Thư ký Tòa án, của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Ngọc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành Phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **324/2020/TLST-DS**, ngày 06 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 463/2020/QĐXXST-DS, ngày 18 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐST-DS, ngày 08 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Ngũ Hoàng T, sinh năm 1973 và bà Phạm Thị Phương Th, sinh năm 1986 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: đường THĐ, tổ 46, khóm Đ, phường MX, thành phố LX, tỉnh An Giang

Bị đơn: Ông Lương Huỳnh Thanh G, sinh năm 1975 (Vắng mặt)

Địa chỉ: đường HBT, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 9 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ

án nguyên đơn ông Ngũ Hoàng T và bà Phạm Thị Phương Th thể hiện nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau:

Trước đây vợ chồng ông, bà có cho ông Lương Huỳnh Thanh G mượn tiền nhiều lần sau đó ông G viết biên nhận nợ với số tiền là 90.000.000đồng, thời gian viết là khoảng năm 2018 nhưng thời gian thì không nhớ chính xác tháng mấy. Sau đó thì ông G có mượn thêm 20.000.000đồng nữa và ông G viết biên nhận 110.000.000đồng, khi ghi thì ông G ghi là ngày 20/11/2017 nhưng thực tế là ngày 20/11/2018. Do khi ông G viết thì vợ chồng cũng không có nhìn kỹ, đến sau này xem lại mới phát hiện ra là ghi nhầm. Lúc ông G ký nhận số tiền 110.000.000đồng thì có hứa là vài tháng trả nhưng đến nay không trả. Khi đưa tiền thì vợ chồng ông không có đưa ra mức lãi suất nhưng ông G có nói là sẽ trả cho vợ chồng ông 4%/tháng nhưng thực chất ông G không có đóng lãi được như vậy. Sau khi nhận tiền thì ông G đưa được vài tháng tiền lãi thì ngưng. Số tiền lãi ông G trả là bao nhiêu vợ chồng ông không nhớ được vì có tháng đưa, tháng không đưa và số tiền cũng không phải 4%/tháng. Vợ chồng ông đã liên hệ ông G bằng nhiều cách nhưng vẫn không tìm được. Do đó vợ chồng ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Lương Huỳnh Thanh G có nghĩa vụ trả số tiền 110.000.000đồng và lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày nộp đơn khởi kiện là ngày 07/9/2020 cho đến ngày Tòa án xét xử.

Bị đơn ông Lương Huỳnh Thanh G không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham dự phiên tòa do Tòa án triệu tập.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện liên quan đến số tiền vốn 110.000.000đồng, không yêu cầu trả lãi.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông G có nghĩa vụ trả cho ông T, bà Th số tiền 110.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông T, bà Th khởi kiện yêu cầu ông G trả tiền vay. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp

về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông G có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố Long Xuyên nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án thực hiện thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông G bằng phương thức niêm yết công khai tại địa chỉ số 55, đường HBT, khóm 2, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang. Đây là địa chỉ ông T, bà Th đã ghi trong đơn khởi kiện và đúng với địa chỉ nơi cư trú của ông G trong các biên nhận nợ ông G ký nhận. Tại biên bản xác minh ngày 01/12/2020 của Công an phường ML xác nhận “*Đương sự: Lương Huỳnh Thanh G, sinh năm 1975 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 55, khóm 2, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang*”. Ông G vắng mặt tại địa chỉ này nhưng không thông báo cho ông T, bà Th biết về nơi cư trú mới của mình nên được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung.

Ông G được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông G.

[3] Về xem xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện: Tại đơn khởi kiện ngày 07/9/2020 ông T, bà Th yêu cầu bà ông G trả số tiền 110.000.000đồng và tính lãi suất theo quy định của Nhà nước kể từ ngày 20/11/2017, quá trình hòa giải ông T, bà Th yêu cầu tính lãi từ ngày khởi kiện. Tại phiên tòa ông T, bà Th thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông G trả số tiền 110.000.000đồng không yêu cầu tính lãi. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông T, bà Th không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu. Căn cứ vào khoản 1 Điều 224 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông T, bà Th.

[4] Về nội dung vụ án: Ông T và bà Th khởi kiện yêu cầu ông G trả số tiền 110.000.000đồng. Đối với yêu cầu khởi kiện của mình ông T, bà Th cung cấp bản chính biên nhận không ghi ngày tháng của số tiền 90.000.000đồng và biên nhận ngày 20/11/2017 của số tiền 110.000.000đồng.

Nội dung biên nhận không ghi ngày tháng thể hiện “*Tôi: Lương Huỳnh Thanh G, 1975 ngụ số 55, HBT, p ML, Cm 3511533444. Nay tôi có mượn số tiền (90.000.000đồng) chín mươi triệu đồng của anh Ngũ Hoàng T hẹn Anh Th trong 1 tháng gửi lại*”.

Nội dung biên nhận ngày 20/11/2017 thể hiện: “*Tôi Lương Huỳnh Thanh G, chứng minh số 351153344 cư ngụ số 55, HBT, phường ML hôm nay 20/11/2017 có mượn của anh Ngũ Hoàng T 110.000.000đồng (Một trăm mười triệu đồng)*”.

Ông T, bà Th trình bày khi viết lại biên nhận 110.000.000đồng là đã cộng luôn số tiền 90.000.000đồng của biên nhận không ghi ngày tháng nên vợ chồng ông chỉ yêu cầu ông G có nghĩa vụ trả số tiền 110.000.000đồng.

Hội đồng xét xử nhận định:

Về thời gian xác lập biên nhận: Mặc dù biên nhận ghi là ngày 20/11/2017 nhưng ông T, bà Th cho rằng có sự nhầm lẫn về thời gian xác lập biên nhận là năm 2018, không phải là năm 2017. Tuy nhiên, do đây chỉ là lời trình bày của ông T, bà Th ông bà không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho sự nhầm lẫn này. Phía bị đơn cũng không có văn bản trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xác định có sự nhầm lẫn này. Căn cứ nội dung biên nhận Hội đồng xét xử xác định thời gian xác lập biên nhận là ngày 20/11/2017.

Về quyền yêu cầu của ông T, bà Th: Biên nhận ông G thể hiện là mượn của ông Ngũ Hoàng T. Tuy nhiên, ông T xác định đây là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Bà Th cũng thống nhất đây là tài sản chung của vợ chồng ông, bà nên ông và bà khởi kiện yêu cầu ông G thực hiện nghĩa vụ là có căn cứ.

Ông T, bà Th trình bày giữa ông, bà với ông G khi xác lập quan hệ vay thì có thỏa thuận lãi suất và thời gian trả tuy nhiên ông, bà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho điều này căn cứ vào biên nhận nợ ngày 20/11/2017 Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ vay không kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T, bà Th ông G không có văn bản phản hồi về việc đã thực hiện nghĩa vụ đối với ông T, bà Th liên quan đến số tiền 110.000.000đồng này chưa, cũng không tham dự có buổi làm việc do Tòa án thông báo nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xác định ông đã thực hiện xong nghĩa vụ trả số tiền này cho ông T, bà Th. Căn cứ biên nhận nợ ngày 20/11/2017 yêu cầu của ông T, bà Th là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông G phải nộp theo quy định pháp luật. Ông T, bà Th được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 186, khoản 1 Điều 224, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngũ Hoàng T, bà Phạm Thị Phương Th đối với ông Lương Huỳnh Thanh G: Buộc ông G có nghĩa vụ trả cho ông T, bà Th số tiền 110.000.000đồng (Một trăm mười triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lương Huỳnh Thanh G phải nộp: 5.500.000đồng (Năm triệu, năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Ngũ Hoàng T, bà Phạm Thị Phương Th được nhận lại 2.750.000tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007731, ngày 05 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên.

Về quyền kháng cáo: Ông Ngũ Hoàng T, bà Phạm Thị Phương Th được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; ông Lương Huỳnh Thanh G được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPLX;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPLX;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Bé Thu